

**TERMS AND CONDITIONS**  
**CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN**

**APPLICABLE TO THE DELIVERY OF BANKING DOCUMENTS VIA GNS SYSTEM**  
**VỀ VIỆC CHUYỂN CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG QUA HỆ THỐNG GNS**

The following Terms and Conditions (“**GNS Terms**”) is applicable to the delivery of banking documents via GNS System registered by the customer (the “**Customer**”) with either MUFG Bank, Ltd., Ho Chi Minh City Branch having its registered address at 21st and 22nd Floor, The Nexus, 3A – 3B Ton Duc Thang St., Ben Nghe Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City or MUFG Bank, Ltd., Hanoi Branch, having its registered address the 10<sup>th</sup> Floor, Tower 1, Capital Place Building, 29 Lieu Giai Street, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Hanoi as the case may be (the “**Bank**”).

*Các Điều Khoản và Điều Kiện sau (“**Điều Khoản GNS**”) áp dụng cho việc chuyển chứng từ ngân hàng qua Hệ Thống GNS đăng ký bởi khách hàng (“**Khách Hàng**”) với Ngân Hàng MUFG, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, có địa chỉ đăng ký tại Tầng 21 và 22, The Nexus, 3A – 3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Ngân Hàng MUFG, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội, có địa chỉ đăng ký tại Tầng 10, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, tùy từng trường hợp (“**Ngân Hàng**”).*

The Customer agrees that these GNS Terms shall be incorporated into the Application for Banking Documents Delivery via GNS System (the “**Application**”) and any other agreement, document and instrument between the Customer and the Bank from time to time in relation to the GNS (as defined below), all of which shall constitute a legal, valid, and binding agreement between the Bank and the Customer and enforceable in accordance with its terms (the “**Agreement**”).

*Khách Hàng đồng ý rằng các Điều Khoản GNS này sẽ tạo thành một phần của Đơn Đăng Ký Chuyển Chứng Từ Ngân Hàng Qua Hệ Thống GNS (“**Đơn Đăng Ký**”) và bất kỳ hợp đồng, tài liệu và văn bản nào giữa Khách Hàng và Ngân Hàng tùy từng thời điểm liên quan tới GNS (như định nghĩa dưới đây), tất cả sẽ tạo thành một hợp đồng hợp pháp, hợp lệ và ràng buộc giữa Ngân Hàng và Khách Hàng và có giá trị thi hành theo các điều khoản của hợp đồng (“**Hợp Đồng**”).*

The Bank and the Customer are collectively referred to as the “**Parties**” and individually referred to as the “**Party**”.

*Ngân Hàng và Khách Hàng được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”.*

**1. DEFINITIONS**  
**CÁC ĐỊNH NGHĨA**

In these GNS Terms, the following terms have the following respective meanings:  
*Trong Điều Khoản GNS này, những thuật ngữ sau có các ý nghĩa tương ứng như sau:*

“**Application**” means the Application for Banking Documents Delivery via GNS System which the Customer shall submit to the Bank in relation to the GNS (including application for addition, change and deletion to the registration).

*“**Đơn Đăng Ký**” là Đơn Đăng Ký Chuyển Chứng Từ Ngân Hàng Qua Hệ Thống GNS mà Khách Hàng nộp cho Ngân Hàng liên quan đến GNS (bao gồm đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi và hủy bỏ đăng ký).*

“**GNS**” means the delivery of banking documents via the GNS System by the Bank to the Customer’s email address(es) in accordance with the terms and conditions under this Agreement which the Customer may register by the Application.

*“**GNS**” là việc chuyển chứng từ ngân hàng qua Hệ Thống GNS bởi Ngân Hàng tới (các) địa chỉ thư điện tử của Khách Hàng theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này mà Khách Hàng có thể đăng ký bằng Đơn Đăng Ký.*

“**GNS System**” means the Bank’s computer systems for the exclusive use of GNS.

*“**Hệ Thống GNS**” là các hệ thống máy tính của Ngân Hàng dùng riêng cho GNS.*

“**Report**” means each of the documents and/or information which the Bank may send to the Customer via the email in accordance with these GNS Terms (including but not limited to invoices, banking advice, or transaction confirmations, account statements, statement of ordinary deposit interest, e-tax receipts)

and the registration for using GNS by the Customer in the Application.

**“Thông Báo”** có nghĩa là những tài liệu và/hoặc thông tin mà Ngân Hàng có thể gửi cho Khách Hàng qua thư điện tử phù hợp với Điều Khoản GNS này (bao gồm nhưng không giới hạn hóa đơn, chứng từ ngân hàng hoặc xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản, sao kê lãi tiền gửi không kỳ hạn, giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước) và việc đăng ký GNS của Khách Hàng tại Đơn Đăng Ký.

**“Telephone Contact Person”** means the person registered as the “Telephone Contact Person” in the Application as ascribed in Article 8.

**“Người Xác Nhận Qua Điện Thoại”** là người đã được đăng ký là “Người Xác Nhận Qua Điện Thoại” trong Đơn Đăng Ký như quy định tại Điều 8.

## **2. PURPOSES AND SCOPE OF REPORTS** **MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI THÔNG BÁO**

2.1 The Customer shall, subject to the approval of the Bank, register the GNS by the Application. The Bank shall, subject to these GNS Terms, deliver the Report to the Customer through the GNS System under which the documents are delivered by email(s) from the Bank to the Customer’s email(s) stated in the Application.

*Khách Hàng sẽ, theo sự chấp thuận của Ngân Hàng, đăng ký GNS bằng Đơn Đăng Ký. Ngân Hàng sẽ, theo Điều Khoản GNS này, chuyển Thông Báo cho Khách Hàng qua Hệ Thống GNS, theo đó chứng từ được gửi từ (các) thư điện tử của Ngân Hàng tới (các) thư điện tử của Khách Hàng trong Đơn Đăng Ký.*

2.2 To assure the completeness and confidentiality of the Reports delivered through the GNS System to the Customer’s email address(es), the Reports shall be signed by electronic signatures that is verified by digital certificate or other verification methods recognized by the laws. The Customer waives its respective rights to request any competent court or arbitrator to declare that a Report delivered to the Customer under these GNS Terms is invalid due to its execution by electronic signature technology.

*Nhằm đảm bảo tính toàn vẹn và bảo mật của các Thông Báo được chuyển qua Hệ Thống GNS tới (các) địa chỉ thư điện tử của Khách Hàng, các Thông Báo sẽ được ký bằng chữ ký điện tử có xác thực bằng chứng thư số hoặc các phương thức xác thực khác được pháp luật công nhận. Khách Hàng từ bỏ các quyền tương ứng yêu cầu bất kỳ tòa án hoặc trọng tài tuyên bố Thông Báo được chuyển cho Khách Hàng theo Điều Khoản GNS này là không có hiệu lực chỉ vì do Thông Báo đó được xác nhận bằng công nghệ ký điện tử.*

2.3 The Customer acknowledges and agrees that all Reports sent under these GNS Terms:

*Khách Hàng công nhận và đồng ý rằng các Thông Báo gửi theo Điều Khoản GNS này:*

- a. can be used as evidence in any court, arbitral tribunal or in any legal or administrative sequels and proceedings and any investigation or inquiry.  
*có thể được sử dụng là bằng chứng tại tòa án, hội đồng trọng tài hoặc trong bất kỳ trình tự, thủ tục pháp lý hoặc hành chính hoặc bất kỳ cuộc điều tra hoặc thẩm vấn.*
- b. will be proofs as to the contents of the Reports.  
*được sử dụng để chứng minh nội dung của các Thông Báo.*
- c. shall be considered being valid, accurate and authentic as to the contents of the Reports.  
*được coi là có hiệu lực, chính xác và xác thực đối với các nội dung của các Thông Báo.*
- d. shall include (without limitation) evidence in the form of writing or activity or transaction logs, computer or electronic records, magnetic tapes, cartridges, computer printouts, copies, or any other forms or computer or electronic date or information storage or system.  
*bao gồm (nhưng không giới hạn) bằng chứng dưới hình thức văn bản hoặc hành vi hoặc lịch sử đăng nhập thực hiện giao dịch, bản ghi máy tính hoặc điện tử, băng từ, hộp băng từ, bản in máy tính, bản sao chụp, hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác hoặc ngày ghi nhận trên máy tính hoặc điện tử hoặc thông tin lưu trữ hoặc hệ thống.*
- e. shall be final and conclusive of the information that is set out in the applicable Report.  
*là thông tin cuối cùng và toàn vẹn được ghi nhận trong Thông Báo áp dụng.*
- f. may be destroyed by the Bank after a prescribed time.  
*có thể bị tiêu hủy bởi Ngân Hàng sau khoảng thời gian quy định.*

- 2.4 The Bank and the Customer hereby agree that the scope of Report shall include the following documents:  
*Ngân Hàng và Khách Hàng theo Điều Khoản GNS này đồng ý rằng phạm vi của Thông Báo sẽ bao gồm những tài liệu sau:*
- a. Advice of Debit / Advice of Credit;  
*Giấy Báo Nợ / Giấy Báo Có;*
  - b. Account Statement (except documents specified in point (k) below);  
*Sao Kê Tài Khoản (trừ tài liệu nêu tại điểm (k) dưới đây);*
  - c. Confirmation of Foreign Exchange Transaction;  
*Xác nhận Giao Dịch Ngoại Hối;*
  - d. E-Tax Receipt;  
*Giấy Nộp Tiền Vào Ngân Sách Nhà Nước;*
  - e. E-Invoice;  
*Hóa Đơn Điện Tử;*
  - f. Notice of Fixed-term Deposit Transaction;  
*Thông Báo về Giao Dịch Tiền Gửi Có Kỳ Hạn;*
  - g. Advice of Account Opening;  
*Thông Báo Mở Tài Khoản;*
  - h. Advice of Close (if applicable);  
*Thông Báo Đóng Tài Khoản (tùy trường hợp áp dụng);*
  - i. Statement of Ordinary Deposit Interest;  
*Sao Kê Lãi Tiền Gửi Không Kỳ Hạn;*
  - j. General Notification;  
*Thông Báo Chung;*
  - k. Balance Certificate, Notice On Information Of Authorized Signatory, Confirmation Of Opening Account At The Bank;  
*Giấy Xác Nhận Số Dư Tài Khoản, Thông Báo Người Có Thẩm Quyền Ký, Xác Nhận Về Việc Mở Tài Khoản Tại Ngân Hàng;*
  - l. All other certificates;  
*Tất cả các xác nhận khác;*
  - m. Other Reports as registered in the Application.  
*Những Thông Báo khác được đăng ký trong Đơn Đăng Ký.*

Report mentioned in point (k) and point (l) of this Clause 2.4 will be sent to Customer's email addresses registered to receive e-invoice as stated in the latest Application For Banking Documents Delivery Via Email Service/GNS system.

*Thông Báo được đề cập tại điểm (k) và điểm (l) của Điều 2.4 này sẽ được gửi tới địa chỉ thư điện tử của Khách Hàng đã đăng ký để nhận hóa đơn điện tử như được nêu tại Đơn Đăng Ký Chuyển Chứng Từ Ngân Hàng Qua Dịch Vụ Thư Điện Tử/Hệ Thống GNS gần nhất.*

- 2.5 If there is any change to any registration registered to the Bank by the Application, the Customer must report such change to the Bank by submitting the Application reflecting such changes without delay.  
*Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào đối với những thông tin đã đăng ký với Ngân Hàng bằng Đơn Đăng Ký, Khách Hàng phải báo cáo ngay thay đổi đó cho Ngân Hàng bằng cách nộp Đơn Đăng Ký trình bày những thay đổi đó.*
- 2.6 Under the Application, the Customer shall specify the date on which the Customer wishes to start using GNS (the "Effective Date"). Upon the Bank's consideration and review, at its sole discretion:  
*Theo Đơn Đăng Ký, Khách Hàng sẽ đề ngày mà Khách Hàng mong muốn bắt đầu sử dụng GNS ("Ngày Hiệu Lực"). Sau khi cân nhắc và rà soát, với toàn quyền:*

- a. If the Bank receives the Application prior to or on the Effective Date and the Bank is able to proceed with the Application, the Bank may accept the Application. The time limit for the Bank to complete the Customer's request for registering GNS is counted from the date of the Application

Terms and Conditions Applicable to The Delivery of Banking Documents via GNS System  
*Các Điều Khoản và Điều Kiện Về Việc Chuyển Chứng Từ Ngân hàng qua Hệ Thống GNS*

to the Effective Date (the “**Time Limit**”). Upon the expiration of the Time Limit, the Customer and the Bank agree that the Bank shall not be obligated to send the Customer a notice expressing the Bank’s approval in response to the Application filed by the Customer. The Bank’s silence and completion of the Customer’s request for registering GNS shall be deemed as the Bank’s approval of the Application filed by the Customer; or

*Nếu Ngân Hàng nhận Đơn Đăng Ký trước hoặc vào Ngày Hiệu Lực và Ngân Hàng có thể tiến hành xử lý Đơn Đăng Ký, Ngân Hàng sẽ thực hiện yêu cầu của Đơn Đăng Ký. Thời hạn Ngân Hàng hoàn thành yêu cầu đăng ký GNS của Khách Hàng được tính từ ngày của Đơn Đăng Ký đến Ngày Hiệu Lực (“**Thời Hạn**”). Khi hết Thời Hạn, Khách Hàng và Ngân Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng sẽ không có nghĩa vụ gửi cho Khách Hàng một thông báo thể hiện sự chấp thuận của Ngân Hàng theo Đơn Đăng Ký của Khách Hàng. Sự im lặng của Ngân Hàng và việc hoàn thành yêu cầu đăng ký GNS của Khách Hàng sẽ được coi là sự chấp thuận của Ngân Hàng đối với Đơn Đăng Ký của Khách Hàng; hoặc*

b. If the Bank receives the Application after the Effective Date, the Bank,

*Nếu Ngân Hàng nhận được Đơn Đăng Ký sau Ngày Hiệu Lực, Ngân Hàng, hoặc:*

(i) may deny the Application; or  
*từ chối Đơn Đăng Ký; hoặc*

(ii) shall decide to process the Application provided that the Bank shall, via recording phone, propose another Effective Date and seek the Customer’s consent on such new Effective Date. Once being agreed by the Bank and the Customer via recorded phone call, such alteration shall be binding upon the Bank and the Customer and supersede the respective Effective Date previously mentioned in the relevant Application which has been submitted to the Bank. The Bank is entitled to record any phone call made to the Customer to agree on the new Effective Date with the Customer and to use such phone recording(s) as evidence in dispute resolution and is not obliged to verify the person from the Customer receiving the phone call made by the Bank.

*quyết định thực hiện Đơn Đăng Ký với điều kiện Ngân Hàng sẽ thông qua điện thoại ghi âm đề xuất một Ngày Hiệu Lực khác và lấy ý kiến đồng thuận của Khách Hàng về Ngày Hiệu Lực khác đó. Khi Ngân Hàng và Khách Hàng đồng ý về Ngày Hiệu Lực khác qua cuộc gọi điện thoại được ghi âm, việc thay đổi đó sẽ ràng buộc Ngân Hàng và Khách Hàng và thay thế Ngày Hiệu Lực đã được nêu tại Đơn Đăng Ký liên quan gửi cho Ngân Hàng. Ngân Hàng có quyền ghi lại bất kỳ cuộc gọi điện thoại nào được thực hiện tới Khách Hàng để thỏa thuận về Ngày Hiệu Lực mới và sử dụng (các) bản ghi âm điện thoại đó làm bằng chứng trong giải quyết tranh chấp và Ngân Hàng không có nghĩa vụ xác minh người từ Khách Hàng nhận cuộc gọi điện thoại do Ngân Hàng thực hiện.*

c. If the Bank denies the Application due to the reason specified in Clause 2.6(b)(i) above and/or the Bank is unable to proceed with the Application due to various reasons, the Bank shall notice to the Customer via recording phone to request the Customer to file another Application. The Bank is entitled to record any phone call made to the Customer to inform of the Bank’s verbal denial of the Application, use such phone recording(s) as evidence in dispute resolution, and is not obliged to verify the person from the Customer receiving the phone call made by the Bank.

*Nếu Ngân Hàng từ chối Đơn Đăng Ký vì lý do nêu tại Điều 2.6(b)(i) nêu trên và/hoặc Ngân Hàng không thể tiến hành xử lý Đơn Đăng Ký vì nhiều lý do khác nhau, Ngân Hàng sẽ thông báo cho Khách Hàng qua điện thoại có chức năng ghi âm để yêu cầu Khách Hàng nộp Đơn Đăng Ký khác. Ngân Hàng có quyền ghi lại bất kỳ cuộc gọi điện thoại nào được thực hiện tới Khách Hàng để thông báo về việc Ngân Hàng từ chối Đơn Đăng Ký bằng lời nói, sử dụng (các) bản ghi âm điện thoại đó làm bằng chứng trong giải quyết tranh chấp và không có nghĩa vụ xác minh người từ Khách Hàng nhận cuộc gọi điện thoại do Ngân Hàng thực hiện.*

2.7 The Bank shall deliver the Reports to the Customer via GNS system from the following email address(es) of the Bank:

*Ngân Hàng sẽ chuyển các Thông Báo tới Khách Hàng qua Hệ Thống GNS từ những địa chỉ thư điện tử sau của Ngân Hàng:*

Hanoi Branch (Chi nhánh TP. Hà Nội)	Ho Chi Minh City Branch (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh)
<a href="mailto:mail_vn@notice.bk.mufg.jp">mail_vn@notice.bk.mufg.jp</a> <a href="mailto:MUFG_Bank_eInvoice@vn.mufg.jp">MUFG_Bank_eInvoice@vn.mufg.jp</a> <a href="mailto:eInvoice_hn@vn.mufg.jp">eInvoice_hn@vn.mufg.jp</a>	<a href="mailto:mail_vn@notice.bk.mufg.jp">mail_vn@notice.bk.mufg.jp</a> <a href="mailto:MUFG_Bank_eInvoice@vn.mufg.jp">MUFG_Bank_eInvoice@vn.mufg.jp</a> <a href="mailto:eInvoice_ddrd@vn.mufg.jp">eInvoice_ddrd@vn.mufg.jp</a> <a href="mailto:eInvoice_frd@vn.mufg.jp">eInvoice_frd@vn.mufg.jp</a> <a href="mailto:eInvoice_tlad@vn.mufg.jp">eInvoice_tlad@vn.mufg.jp</a> <a href="mailto:eInvoice_tfod@vn.mufg.jp">eInvoice_tfod@vn.mufg.jp</a>

### 3. RELATIONSHIP WITH OTHER AGREEMENTS **QUAN HỆ VỚI CÁC THỎA THUẬN KHÁC**

3.1. The Agreement shall be read and construed in conjunction with:

*Hợp Đồng này được đọc và giải thích cùng với:*

- a. the general terms and conditions which are available on the Bank's official websites at:  
*các điều khoản và điều kiện chung được đăng tải trên trang điện tử chính thức của Ngân Hàng tại:*

Hanoi Branch (Chi nhánh Thành phố Hà Nội)

<https://www.bk.mufg.jp/global/globalnetwork/asiaoceania/hanoi.html>

Ho Chi Minh City Branch (Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh)

<https://www.bk.mufg.jp/global/globalnetwork/asiaoceania/hochiminhcity.html>

- b. agreements which are signed between the Bank and the Customer under which the Bank provides the banking services and send the information stated in the relevant Report to the Customer.  
*các thỏa thuận khác được ký kết giữa Ngân Hàng và Khách Hàng mà theo đó Ngân Hàng cung cấp các dịch vụ ngân hàng và gửi những thông tin được ghi nhận trong Thông Báo liên quan tới Khách Hàng.*

(The instruments mentioned in items (a) and (b) above are herein collectively referred to as “**Banking T&Cs**”).

*(Các văn bản được đề cập tại các mục (a) và (b) ở trên được gọi chung là “Các Điều Khoản và Điều Kiện Ngân Hàng”).*

3.2. In case there is any conflict between this Agreement with any or all such Banking T&Cs relating to the means of delivering the Report, this Agreement will prevail. For the avoidance of doubt, if any of Banking T&Cs requires the Report to be manually signed and sealed on paper, the Bank and the Customer agree that the way of signing such Report by using electronic signing technology according to these GNS Terms shall have the same validity equivalent to handwritten signatures and physical seal on paper by the Bank.

*Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Hợp Đồng này với bất kỳ hoặc toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện Ngân Hàng liên quan tới phương thức chuyển Thông Báo, Hợp Đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng. Để tránh nhầm lẫn, nếu bất kỳ Các Điều Khoản và Điều Kiện Ngân Hàng yêu cầu Thông Báo phải được ký bằng tay và đóng dấu tươi bằng văn bản, Ngân Hàng và Khách Hàng đồng ý rằng phương thức ký Thông Báo đó bằng việc sử dụng công nghệ ký điện tử theo Điều Khoản GNS này sẽ có giá trị tương đương với văn bản được ký bằng tay và đóng con dấu tươi trên văn bản bởi Ngân Hàng.*

3.3. Any banking documents once registered to be delivered via the GNS System shall be no longer delivered through other ways, including but not limited to via postal mail. The manner of delivering such banking documents via the GNS System prescribed in this Clause 3.3 of these GNS Terms shall supersede relevant provisions regulating the delivery thereof in the relevant Banking T&Cs.

*Bất kỳ tài liệu ngân hàng nào khi được đăng ký chuyển qua Hệ Thống GNS sẽ không được vận chuyển qua phương thức khác, bao gồm nhưng không giới hạn qua đường thư bưu điện. Phương thức chuyển các tài liệu ngân hàng qua Hệ Thống GNS quy định tại Khoản 3.3 này của Điều Khoản GNS sẽ thay thế các điều khoản liên quan quy định về việc chuyển các chứng từ ngân hàng đó tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Ngân Hàng có liên quan.*

### 4. EQUIPMENT AND TECHNICAL REQUIREMENTS **TRANG THIẾT BỊ VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**

4.1 The Customer, will, at its own expense, risk, and responsibility, prepare such equipment, communication Terms and Conditions Applicable to The Delivery of Banking Documents via GNS System  
*Các Điều Khoản và Điều Kiện Về Việc Chuyển Chứng Từ Ngân hàng qua Hệ Thống GNS*

devices, computers, and modems (hereinafter collectively called the “**Equipment**”) which may be recommended by the Bank in connection with the GNS. The Bank shall not be liable for (i) legitimacy of ownership and/or use of the Equipment by the Customer; and (ii) any interruption, suspension, or termination of the GNS due to failure by the Customer of retaining the Equipment in good standing and operational conditions.

*Bằng chi phí, rủi ro và trách nhiệm của mình, Khách Hàng sẽ trang bị các trang thiết bị, thiết bị liên lạc, máy tính và mô-đem (sau đây được gọi chung là “**Trang Thiết Bị**”) có thể được khuyến nghị bởi Ngân Hàng liên quan đến việc sử dụng GNS. Ngân Hàng sẽ không phải chịu trách nhiệm về (i) tính hợp pháp của việc sở hữu và/hoặc sử dụng Trang Thiết Bị bởi Khách Hàng; và (ii) việc gián đoạn, tạm ngưng hoặc chấm dứt GNS bởi lý do Khách Hàng không duy trì Trang Thiết Bị trong tình trạng và điều kiện hoạt động tốt.*

- 4.2 The Customer shall, during the continuance of the Agreement, at its expense, keep the Equipment for the purpose of the GNS in good working order and condition.

*Trong thời hạn Hợp Đồng, bằng chi phí của mình, Khách Hàng phải giữ cho các Trang Thiết Bị luôn trong điều kiện và trạng thái hoạt động tốt.*

## **5. GNS SYSTEM HỆ THỐNG GNS**

The Customer acknowledges that the GNS System is designed for customers in general and that it may not serve a specific need of any customer.

*Khách Hàng thừa nhận rằng Hệ Thống GNS được thiết kế cho các khách hàng nói chung và không phục vụ cho bất kỳ nhu cầu cụ thể nào của bất kỳ khách hàng đặc biệt nào.*

## **6. COMMENCEMENT OF GNS AND TEMPORARY SUSPENSION OF GNS BẮT ĐẦU CUNG CẤP GNS VÀ NGỪNG TẠM THỜI GNS**

- 6.1 Prior to the commencement of GNS, the Bank may (but is not obliged to) send a test e-mail to the e-mail address registered by the Customer in the Application. In such case, the Bank may communicate with the Telephone Contact Person to confirm that the Customer has successfully received such test e-mail. *Trước khi bắt đầu cung cấp GNS, Ngân Hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) gửi một thư điện tử thử nghiệm đến địa chỉ thư điện tử mà Khách Hàng đã đăng ký trong Đơn Đăng Ký. Trong trường hợp này, Ngân Hàng sẽ có thể liên lạc với Người Xác Nhận Qua Điện Thoại để xác nhận rằng Khách Hàng đã nhận thành công thư điện tử thử nghiệm.*

- 6.2 The Customer may not request the Bank to suspend GNS in relation to any Report (unless otherwise agreed between the Customer and the Bank). For the avoidance of doubt, the Customer accepts that the Bank shall only provide the conversion of banking document in electronic form (including e-Invoices) into paper-based ones in case required by applicable laws and in the manner prescribed by the applicable regulations from time to time.

*Khách Hàng không thể yêu cầu Ngân Hàng tạm ngừng GNS liên quan đến bất kỳ Thông Báo nào (trừ trường hợp Khách Hàng và Ngân Hàng có thỏa thuận khác). Để tránh hiểu lầm, Khách Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng sẽ chỉ cung cấp bản chuyển đổi chứng từ ngân hàng dưới dạng điện tử (bao gồm Hóa Đơn Điện Tử) sang chứng từ giấy trong trường hợp pháp luật yêu cầu và theo cách thức được quy định bởi các quy định hiện hành áp dụng tùy từng thời điểm.*

- 6.3 In the event of strike, lock-out, hostilities, riot, civil commotion, action of any kind of governmental authority, or any other circumstance (whether or not of similar nature to the foregoing) over which the Bank has no control which causes the cessation of or substantial interference with the provision of the GNS by the Bank under the Agreement, the duty of the Bank to provide the GNS shall forthwith be suspended until such circumstance shall have ceased. The suspension or cessation of the GNS by the Bank because of the aforesaid events shall be deemed to fall within the Force Majeure events that the Bank is exempted from liabilities as specified in Article 13 herein.

*Những trường hợp như đình công, đóng cửa, thù địch, bạo loạn, bạo động dân sự, hành động của cơ quan chính quyền, hay bất kỳ trường hợp nào khác (cho dù là có tính chất tương tự với những sự kiện nói trên hay không) mà Ngân Hàng không thể kiểm soát nổi dẫn đến sự chấm dứt hoặc cản trở đáng kể việc Ngân Hàng thực hiện GNS theo Hợp Đồng thì nghĩa vụ của Ngân Hàng trong việc thực hiện GNS sẽ bị ngừng lại ngay lập tức cho đến khi những trường hợp nói trên chấm dứt. Việc Ngân Hàng phải tạm ngừng hoặc chấm dứt GNS là hệ quả từ các sự kiện nói trên được coi là thuộc trường hợp Bất Khả Kháng mà Ngân Hàng được*

phép miễn trừ trách nhiệm theo quy định nêu tại Điều 13 của Điều Khoản GNS này.

## **7. TERMINATION OF GNS** **CHẤM DỨT GNS**

7.1 In relation to any Report, the Customer may not terminate the GNS (unless otherwise agreed by the Bank).

*Liên quan đến bất kỳ Thông Báo nào, Khách Hàng không thể chấm dứt GNS (trừ khi được Ngân Hàng đồng ý).*

7.2 The Bank may terminate the GNS by giving not less than thirty (30) days prior written notice to the Customer.

*Ngân Hàng có thể chấm dứt GNS bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Khách Hàng trước ít nhất ba mươi (30) ngày.*

7.3 The GNS shall terminate without notice or other act of the Bank, if any event occurs that makes it difficult or impossible for the Bank to provide the GNS or if any of the following events occurs with respect to the Customer:

*GNS sẽ chấm dứt mà Ngân Hàng không cần phải thông báo hay thực hiện bất kỳ hành động nào khác nếu có sự kiện bất kỳ sau xảy ra khiến cho Ngân Hàng gặp khó khăn hoặc không thể cung cấp GNS hoặc nếu xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây liên quan đến Khách Hàng:*

a. The Customer being unable to pay its debts generally or to pay any due payable amount to the Bank unless otherwise accepted by the Bank, or an application or petition being made against or by the Customer for commencement of bankruptcy proceedings, commencement of civil rehabilitation proceedings, commencement of corporate reorganization proceedings or commencement of special liquidation.

*Khách Hàng không có khả năng thanh toán nợ nói chung hoặc không thanh toán bất kỳ khoản tiền đến hạn nào cho Ngân Hàng, trừ khi Ngân Hàng có chấp thuận khác, hoặc Khách Hàng có bất kỳ đơn yêu cầu hay kiến nghị tiến hành các thủ tục phá sản, tái thiết dân sự, tái tổ chức doanh nghiệp hay thanh lý đặc biệt.*

b. Any clearing house taking measures against the Customer for suspension of transactions with banks and similar institutions.

*Có bất kỳ biện pháp thanh toán bù trừ nào được thực hiện đối với Khách Hàng để đình chỉ việc giao dịch với các ngân hàng hay các tổ chức tương tự.*

c. An administrator, receiver or other similar official being appointed with respect to the Customer.

*Khách Hàng được chỉ định người điều hành, quản tài viên hoặc các trường hợp tương đương.*

d. Any event having an effect analogous to any of the foregoing in any jurisdiction.

*Bất kỳ sự kiện nào có ảnh hưởng tương tự như các trường hợp nêu trên theo quyết định của bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào.*

e. The whereabouts of the Customer becoming unknown and a notice of the Bank not being received by the Customer at the last place designated by the Customer.

*Địa chỉ của Khách Hàng không rõ ràng và Khách Hàng không nhận được thông báo của Ngân Hàng tại địa chỉ cuối cùng do Khách Hàng chỉ định.*

f. Where the Bank detects any signal of the Customer's involvement or relation to or participation in any fraud or violation of the laws, including financial crime (including but not limited to anti-money laundering, anti-terrorism financing, bribery, corruption, tax evasion, fraud, evasion or violation of any applicable laws or regulations relating to these matters); or

*Khi Ngân Hàng phát hiện có dấu hiệu về việc Khách Hàng dính líu tới hoặc có liên quan hoặc tham gia vào bất kỳ hành vi gian lận hoặc vi phạm pháp luật nào bao gồm cả tội phạm tài chính (bao gồm nhưng không giới hạn tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố, hối lộ, tham nhũng, trốn thuế, lừa đảo, lẩn tránh hoặc vi phạm bất kỳ quy định pháp luật nào hoặc quy định áp dụng nào có liên quan đến các vấn đề đã nêu); hoặc*

g. All the Banking Terms and Conditions between the Customer and the Bank have been validly terminated and/or cancelled and the Parties have completed their obligations on all outstanding banking transactions thereunder.

*Tất cả Các Điều Kiện và Điều Khoản Ngân Hàng giữa Khách Hàng và Ngân Hàng đã được chấm dứt và/hoặc hủy bỏ hợp lệ và các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với các giao dịch ngân hàng chưa*

Terms and Conditions Applicable to The Delivery of Banking Documents via GNS System  
Các Điều Khoản và Điều Kiện Về Việc Chuyển Chứng Từ Ngân hàng qua Hệ Thống GNS

thanh toán theo đó.

7.4 The Bank may terminate the GNS by giving notice to the Customer, if any of the following events occurs with respect to the Customer:

*Ngân Hàng có thể chấm dứt GNS bằng cách gửi thông báo đến Khách Hàng, nếu xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây liên quan đến Khách Hàng:*

- a. An order of provisional attachment, preservative attachment or attachment being made, or a notice thereof being dispatched with respect to a monetary claim of the Bank or any other financial institution against the Customer;  
*Lệnh tịch thu tài sản tạm thời, tịch thu để dự trữ hay tịch biên sẽ được thực hiện hoặc thông báo tịch thu sẽ được gửi đi liên quan đến quyền đòi tiền của Ngân Hàng hay bất kỳ tổ chức tài chính nào khác đối với Khách Hàng;*
- b. An attachment being made against the Customer with respect to unpaid taxes or other public charges;  
*Lệnh tịch thu được thực hiện đối với Khách Hàng liên quan đến các khoản thuế hay phí công chưa được thanh toán;*
- c. Any event having an effect analogous to any of the foregoing in any jurisdiction;  
*Sự kiện bất kỳ có ảnh hưởng tương tự với các sự kiện nói trên trong phạm vi quyền hạn bất kỳ;*
- d. A breach of any provision of the Agreement and these GNS Terms; and  
*Vi phạm vào điều khoản bất kỳ của Hợp Đồng và Điều Khoản GNS này; và*
- e. Any circumstance arising in which the Bank may not provide the GNS.  
*Bất kỳ trường hợp nào phát sinh mà theo đó Ngân Hàng không thể cung cấp GNS.*

For the avoidance of doubt, any termination of this Agreement under Clause 7.1, Clause 7.2 or Clause 7.3 above shall not impact to the rights and obligations of the Parties accrued prior to the effective date of the termination.

*Để tránh nhầm lẫn, việc chấm dứt Hợp Đồng theo Khoản 7.1, Khoản 7.2 hoặc Khoản 7.3 ở trên sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên đã có trước ngày hiệu lực của việc chấm dứt.*

7.5 Upon termination of this Agreement, the Customer shall, promptly and on its responsibility, destroy the documents and materials (other than the Report validly issued and delivered in accordance with this Agreement) delivered by the Bank to the Customer in relation to the GNS or take any other steps necessary to comply with the provisions in Article 16 (Confidentiality); provided that the Customer shall promptly return to the Bank the documents and materials referred to above, if so requested by the Bank. *Khi chấm dứt Hợp Đồng này, Khách Hàng phải nhanh chóng và với trách nhiệm của mình hủy bỏ các tài liệu và hồ sơ (ngoại trừ Thông Báo đã được phát hành và chuyển một cách hợp lệ phù hợp với Hợp Đồng này) do Ngân Hàng cung cấp cho Khách Hàng liên quan đến GNS hoặc thực hiện các hành động cần thiết để tuân theo các điều khoản của Điều 16 (Bảo Mật); miễn là, nếu được Ngân Hàng yêu cầu, Khách Hàng phải hoàn trả lại ngay cho Ngân Hàng các tài liệu và hồ sơ đã nói ở trên.*

## **8. TELEPHONE CONTACT PERSON** **NGƯỜI XÁC NHẬN QUA ĐIỆN THOẠI**

The Customer must register the person(s) that meets the following requirements and will also perform all the following activities as the “**Telephone Contact Person**” in the Application:

*Khách Hàng phải đăng ký (các) cán bộ là “Người Xác Nhận Qua Điện Thoại” trong Đơn Đăng Ký mà đáp ứng các yêu cầu và đồng thời sẽ thực hiện tất cả các hoạt động sau:*

- a. owns and/or manages one and/or several of the legal e-mail addresses registered in the Application;  
*sở hữu và/hoặc quản lý một và/hoặc các tài khoản địa chỉ thư điện tử hợp pháp đã đăng ký trong Đơn Đăng Ký;*
- b. stores and manages information obtained through the GNS, and performs all other similar affairs;  
*lưu trữ và quản lý các thông tin có được qua GNS, và thực hiện tất cả các công việc tương tự;*
- c. confirm the email addresses registered in the Application in case the Bank contact by phone with respect to the failure status of test email or the content of Application is insufficient or unclear. For avoidance of doubt, in case the Telephone Contact Person confirms that the email addresses



in the Application is incorrect, or the Application is insufficient or unclear, the Bank shall have the right to temporarily suspend the GNS until a replacement Application is submitted by the Customer to the Bank;

*xác nhận địa chỉ thư điện tử đã đăng ký trong Đơn Đăng Ký trong trường hợp Ngân Hàng liên lạc bằng điện thoại về việc thư điện tử thử nghiệm bị lỗi hoặc nội dung Đơn Đăng Ký không đầy đủ hoặc không rõ ràng. Để tránh hiểu lầm, trong trường hợp Người Xác Nhận Qua Điện Thoại xác nhận rằng địa chỉ thư điện tử trong Đơn Đăng Ký bị sai hoặc Đơn Đăng Ký chưa đầy đủ hoặc không rõ ràng, Ngân Hàng sẽ có quyền tạm ngừng cấp GNS cho tới khi Khách Hàng gửi cho Ngân Hàng một Đơn Đăng Ký thay thế;*

- d. agreeing the new Effective Date of the Application by recorded phone call as set forth under Clause 2.6 above.

*thỏa thuận Ngày Hiệu Lực mới của Đơn Đăng Ký qua điện thoại ghi âm như quy định tại Khoản 2.6 ở trên.*

## **9. COMMUNICATION NETWORKS** **CÁC MẠNG LƯỚI LIÊN LẠC**

- 9.1 The Customer acknowledges that the GNS are provided through the communication networks (including the Internet) and emails and confirms that the Customer fully understands the risks involved in such communication networks and is satisfied with the security measures taken by the Bank against such risks as mentioned in this Clause 9.1.

*Khách Hàng xác nhận rằng GNS được cung cấp thông qua các mạng lưới liên lạc (trong đó có Internet) và thư điện tử và xác nhận việc Khách Hàng hoàn toàn hiểu rõ các rủi ro đi kèm theo các mạng lưới liên lạc này và hài lòng với các biện pháp an ninh mà Ngân Hàng áp dụng để đề phòng rủi ro như quy định tại Khoản 9.1 này.*

- 9.2 The Customer shall on its own responsibility make the necessary arrangements for the communication networks necessary to receive the Report via email and shall indemnify the Bank against any fees, costs, or damages which the Bank may incur because of any act of, or any event attributable to, the Customer relating to the Customer's use of the communication networks for such purpose. The Customer shall comply with the conditions of the use and the instructions given by the network service providers in relation to the use of the communication networks and shall forthwith pay fees and other charges and pay for other claims upon demand by the network service providers.

*Khách Hàng sẽ tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện các công tác thu xếp cần thiết đối với các mạng lưới liên lạc nhằm nhận Thông Báo qua thư điện tử và sẽ bồi hoàn cho Ngân Hàng bất kỳ khoản phí, chi phí hoặc thiệt hại nào mà Ngân Hàng có thể phải gánh chịu do bất kỳ hành vi, hoặc bất kỳ sự việc nào do Khách Hàng gây ra có liên quan đến việc Khách Hàng sử dụng các mạng lưới liên lạc cho mục đích đó. Khách Hàng phải tuân thủ theo các điều kiện sử dụng và các hướng dẫn về việc sử dụng các mạng lưới liên lạc mà các nhà cung cấp dịch vụ mạng đưa ra và phải nhanh chóng thanh toán các chi phí, lệ phí cũng như các khoản bồi thường theo yêu cầu của các nhà cung cấp dịch vụ mạng.*

- 9.3 Due to the nature of GNS, the Bank shall not take any responsibility for any damage to or loss of the Customer's data, software, computer, telecommunications, or the Equipment caused by the Customer using the GNS unless such loss or damage is directly and solely caused by the Bank's willful default.

*Do bản chất của GNS, Ngân Hàng không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát dữ liệu, phần mềm, máy tính, thông tin liên lạc hoặc Trang Thiết Bị của Khách Hàng do Khách Hàng sử dụng GNS, trừ khi các thiệt hại hoặc mất mát đó trực tiếp và gây ra hoàn toàn do vi phạm cố ý của Ngân Hàng.*

## **10. MAINTENANCE AND ENHANCEMENT** **BẢO TRÌ VÀ NÂNG CẤP**

- 10.1. The Bank shall provide such maintenance and/or enhancement as the Bank may deem necessary for the GNS System.

*Ngân Hàng sẽ cung cấp việc bảo trì và/hoặc nâng cấp mà Ngân Hàng cho là cần thiết đối với Hệ Thống GNS.*

- 10.2. The Bank may suspend the GNS temporarily, if required for the maintenance and/or enhancement of the GNS System.

Terms and Conditions Applicable to The Delivery of Banking Documents via GNS System  
Các Điều Khoản và Điều Kiện Về Việc Chuyển Chứng Từ Ngân hàng qua Hệ Thống GNS

*Ngân Hàng có quyền tạm ngừng việc cung cấp GNS nếu điều đó là cần thiết để thực hiện bảo trì và/hoặc nâng cấp cho Hệ Thống GNS.*

- 10.3. If there occurs unlawful interference by a third party with the GNS System or any other justifiable event, the Bank may suspend the GNS temporarily without a prior consent of the Customer.  
*Trong trường hợp có sự can thiệp bất hợp pháp của một bên thứ ba vào Hệ Thống GNS hoặc xảy ra bất kỳ sự kiện chính đáng nào khác, Ngân Hàng có quyền tạm ngừng việc cung cấp GNS mà không cần sự chấp thuận trước đó từ phía Khách Hàng.*
- 10.4. For the purposes of maintenance and/or enhancement of the GNS System, the Bank, at its sole discretion, is entitled to change the passwords to access the Reports from time to time by way of sending written notices to the Customer.  
*Cho các mục đích bảo trì và/hoặc nâng cấp Hệ Thống GNS, Ngân Hàng có toàn quyền thay đổi mật khẩu truy cập Thông Báo tùy từng thời điểm bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng.*

## **11. DAILY WORKING HOURS** **GIỜ LÀM VIỆC THƯỜNG NHẬT**

The Bank shall in its sole discretion determine the daily working hours for the GNS (except for Saturday, Sunday, and bank holidays) and such hours may be changed upon prior notice to the Customer.  
*Ngân Hàng có quyền tùy ý quyết định các giờ làm việc thường nhật để cung cấp GNS (trừ thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ của ngân hàng) và các giờ này có thể thay đổi sau khi thông báo cho Khách Hàng.*

## **12. NOTICES** **THÔNG BÁO**

Except the confirmation via phone set forth in Article 8 above, any notice to be given pursuant to the GNS Terms and the Agreement shall be deemed to have been sufficiently given if given in writing and personally delivered or mailed by pre-paid mail to or sent through email to, (i) in respect of notices to the Customer, the latest mailing address of the Customer filed with the Bank, (ii) in respect of notices to the Bank, the address above stated; and shall be deemed to have been received after five (05) business days after being sent by certified mail as evidenced by the tracking records of the courier service company, and (iii) in respect of notices to the Customer via e-mail as indicated in the Application, shall be deemed to have been received by the Customer after left from the Bank's server.

*Ngoại trừ việc xác nhận qua điện thoại theo Điều 8 ở trên, bất kỳ thông báo nào được đưa ra theo Điều Khoản GNS hoặc theo Hợp Đồng sẽ được coi là đã được đưa ra một cách đầy đủ trong trường hợp được đưa ra ở dạng văn bản và được giao trực tiếp hoặc được gửi qua bưu điện dưới hình thức thư trả trước hoặc được gửi qua email tới, (i) đối với các thông báo cho Khách Hàng, địa chỉ nhận thư của Khách Hàng được đăng ký gần nhất với Ngân Hàng, (ii) đối với các thông báo cho Ngân Hàng, địa chỉ nêu trên; và sẽ được coi là đã được tiếp nhận sau năm (05) ngày làm việc sau khi được gửi đi bằng thư bảo đảm được chứng minh bằng tra cứu hành trình của công ty chuyển phát, và (iii) đối với các thông báo cho Khách Hàng thông qua e-mail như đã nêu trong Đơn Đăng Ký, sẽ được coi là đã được tiếp nhận bởi Khách Hàng sau khi rời khỏi mạng máy chủ của Ngân Hàng.*

## **13. EXCLUSION OF LIABILITIES** **MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM**

- 13.1. The Bank shall not be liable to the Customer for the following damages:  
*Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm đối với Khách Hàng về những thiệt hại sau:*
- a. damages caused by natural disaster, incident, disturbance, war, restriction by applicable laws and regulations, measures imposed by a government, courts or other public organizations or other unavoidable occurrences or for reasons other than willful misconduct or gross negligence of the Bank (including those events relating to the equipment and facilities for the GNS);  
*thiệt hại do thiên tai, sự cố, sự nhiễu loạn, chiến tranh, do giới hạn của pháp luật, các quy định và các biện pháp hiện hành do chính phủ, các tòa án hoặc các tổ chức công khác áp đặt hoặc các sự việc bất khả kháng khác hoặc do các nguyên nhân khác không phải do hành vi cố ý hoặc sơ suất của Ngân Hàng (bao gồm các sự việc có liên quan đến thiết bị và cơ sở vật chất cho GNS);*

- b. damages caused by or resulting from error, failure, delay in transmission of data, messages or information, or breakdown, error, malfunction, mutilation, inaccuracy or omission of terminals, public communication networks, the Internet or other communication networks or computers;  
*thiệt hại do hoặc là hậu quả của lỗi, sự thất bại và sự chậm trễ trong truyền tải dữ liệu, các thông điệp hoặc thông tin, hoặc do sự cố, sai sót, trục trặc, sự cắt xén, sự không chính xác hoặc sự bỏ sót của các thiết bị đầu cuối, các mạng lưới liên lạc, mạng Internet hoặc các mạng lưới truyền thông và máy vi tính khác;*
- c. all damages suffered by the Customer resulting from the Bank's sending any test e-mail to the Customer pursuant to the Agreement;  
*tất cả các thiệt hại mà Khách Hàng phải chịu do Ngân Hàng gửi thư điện tử thử nghiệm cho Khách Hàng theo Hợp đồng;*
- d. damages caused by the Bank's compliance with applicable laws, regulations, customs and practices or its internal rules;  
*các thiệt hại phát sinh từ việc Ngân Hàng tuân thủ theo luật pháp, các quy định, các tập quán hoặc các quy định nội bộ của Ngân hàng;*
- e. damages suffered by the Customer as a result of the suspension of the GNS by the Bank pursuant to the provisions of these GNS Terms;  
*các thiệt hại mà Khách Hàng phải chịu do Ngân Hàng tạm ngừng GNS theo các quy định của Điều Khoản GNS này;*
- f. damages caused by divulgence of information or failure, error, delay, inaccuracy, omission or alteration in transmission of information or other similar incidents due to unlawful interference or wiretapping by a third party with terminals, communication networks and computers;  
*các thiệt hại do việc tiết lộ thông tin hoặc sự thất bại, sai sót, sự chậm trễ, sự thiếu chính xác, sự bỏ sót hoặc thay đổi trong việc truyền tải thông tin hoặc các sự cố tương tự khác do sự can thiệp bất hợp pháp hay hành vi nghe trộm của một bên thứ ba đối với các thiết bị đầu cuối, các mạng lưới liên lạc và máy vi tính;*
- g. damages caused by divulgence of the security information (including the password) or illegal use by a third party or any other similar incidents;  
*các thiệt hại do sự tiết lộ các thông tin bảo mật (trong đó có mật khẩu) hoặc hành vi sử dụng phi pháp của một bên thứ ba hoặc bất kỳ sự cố tương tự nào khác;*
- h. damages caused by the Customer's obtainment of the Report other than in the manner provided for in the Agreement or designated by the Bank;  
*các thiệt hại phát sinh do việc Khách Hàng nhận được Thông Báo theo cách thức khác với cách thức đã quy định trong Hợp Đồng hoặc cách thức mà Ngân Hàng chỉ định;*
- i. any damage arising from failure in GNS which failure is attributable to any cause beyond the control of the Bank including, but not limited to, any failure of the Equipment;  
*bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do thất bại trong việc cung cấp GNS do bất kỳ nguyên nhân nào không nằm trong tầm kiểm soát của Ngân Hàng, bao gồm nhưng không giới hạn, các hỏng hóc đối với Trang Thiết Bị;*
- j. consequential, incidental or special damages (whether in contract, tort or strict liability) arising out of or related to the Customer's use of reliance on information obtained through the GNS or failure to provide information;  
*các thiệt hại có nguyên do, ngẫu nhiên hay đặc biệt (dù trong hợp đồng, ngoài hợp đồng hay trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt) phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc Khách Hàng sử dụng tính tin cậy của các thông tin có được thông qua GNS hoặc do thất bại trong việc cung cấp thông tin;*
- k. without prejudice to the generality of Clause 13.1(j) hereof, the Bank is not liable to the Customer for damage arising from any unauthorized use of the GNS by reason of some unauthorized person(s) gaining access to the GNS;  
*không ảnh hưởng đến tính tổng quát của Khoản 13.1(j) trong Điều Khoản GNS này, Ngân hàng không chịu trách nhiệm đối với Khách Hàng về thiệt hại phát sinh từ việc sử dụng trái phép GNS do (những) cá nhân chưa được ủy quyền cố gắng truy cập vào GNS;*
- l. any damage, whether directly or indirectly, arising from any defect or malfunction of Equipment or the Materials (as defined in Clause 16.1);  
*bất kỳ thiệt hại nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp, phát sinh từ bất kỳ khiếm khuyết hoặc trục trặc nào của các Trang Thiết Bị hoặc các Tài Liệu (theo quy định tại Khoản 16.1);*

- m. any damages caused by an error in, or inaccuracy of any contents registered in the Application by the Customer (including but not limited to any changes to be reported pursuant to Clause 2.6). *bất kỳ thiệt hại nào do sai sót hoặc do sự thiếu chính xác trong bất kỳ nội dung nào được đăng ký trong Đơn Đăng Ký của Khách Hàng (bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ sự thay đổi nào được báo cáo theo Khoản 2.6).*

- 13.2. If an event occurs for which the Bank is responsible in relation to the provision of the GNS, the Customer shall notify the Bank thereof immediately after becoming aware of it. The Bank shall not be liable with respect to such event if the Customer fails to notify the Bank immediately upon the occurrence of such event or the Bank has not received such notice from the Customer within thirty (30) days after the occurrence of such event.

*Trường hợp xảy ra sự kiện thuộc trách nhiệm của Ngân Hàng liên quan đến cung cấp và sử dụng GNS, Khách Hàng phải thông báo cho Ngân Hàng về sự kiện đó ngay sau khi nhận thức được sự kiện đó. Ngân Hàng không có trách nhiệm với những sự kiện đó nếu Khách Hàng không thông báo cho Ngân Hàng ngay lập tức khi sự kiện đó xảy ra hoặc Ngân Hàng không nhận được thông báo đó từ phía Khách Hàng trong vòng ba mươi (30) ngày sau ngày sự kiện đó xảy ra.*

## **14. INDEMNITY** **BỒI THƯỜNG**

The Customer shall indemnify the Bank against the following damages, costs, and expenses which the Bank may sustain:

*Khách Hàng phải bồi thường cho Ngân Hàng đối với các thiệt hại, chi phí và phí tổn mà Ngân Hàng phải chịu như sau:*

- a. damages, costs and expenses attributable to any act of the Customer and damages, costs and expenses caused for reasons attributable to the Customer;  
*các thiệt hại, chi phí và phí tổn do bất kỳ hành vi nào của Khách Hàng và các thiệt hại, chi phí và phí tổn do các nguyên nhân từ phía Khách Hàng;*
- b. costs and expenses incurred in relation to the execution of these GNS Terms and the Agreement (including stamp duties);  
*các chi phí và phí tổn phát sinh liên quan đến việc thực thi Điều Khoản GNS này và Hợp Đồng (bao gồm các lệ phí chứng từ);*
- c. costs and expenses incurred in relation to the exercise and enforcement of the rights under these GNS Terms and the Agreement (including legal fees); and  
*các chi phí và phí tổn phát sinh liên quan đến việc thực hiện và thực thi các quyền theo Điều Khoản GNS này và Hợp Đồng (trong đó bao gồm các chi phí pháp lý); và*
- d. costs and expenses incurred in relation to the GNS, use of the Equipment, disclosure of the Materials (as defined in Clause 16.1) or information to a third party or otherwise howsoever.  
*các chi phí và phí tổn phát sinh liên quan đến việc sử dụng GNS, sử dụng các Trang Thiết Bị, tiết lộ các Tài Liệu (theo quy định tại Khoản 16.1) hoặc thông tin cho một bên thứ ba hoặc bất kỳ trường hợp nào khác.*

## **15. COMPLIANCE WITH LAWS AND REGULATIONS** **TUÂN THỦ THEO LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH**

- 15.1 The Customer shall, on its own responsibility, comply with all applicable laws and regulations and shall take all necessary actions to procure necessary registrations and approvals or otherwise.

*Khách Hàng phải tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ theo luật pháp và các quy định hiện hành cũng như việc tiến hành tất cả các hành động cần thiết nhằm hoàn thành các thủ tục đăng ký cần thiết và xin phê duyệt hoặc các trường hợp khác.*

- 15.2 These GNS Terms and Agreement shall immediately cease to be effective, if these GNS Terms and the Agreement is in violation of the laws and regulations.

*Điều Khoản GNS này và Hợp Đồng sẽ ngay lập tức hết hiệu lực, nếu Điều Khoản GNS này và Hợp Đồng vi phạm luật pháp và các quy định.*

- 15.3 The Customer agrees not to engage, or to be involved, in anti-social activities.

Khách Hàng đồng ý sẽ không tham gia hoặc liên đới đến các phần tử chống đối xã hội.

## 16. CONFIDENTIALITY BẢO MẬT

16.1. The Parties hereto shall keep confidential all information disclosed by the other party and other information made known to such party in relation to the Agreement (including, without limitation, all materials, instructions, operation manuals and guidelines, passwords, codes or numbers which may be used to gain access to the GNS System, records and files, documents and any similar information (hereinafter collective call the **"Materials"**) relating to the GNS provided by the Bank) and shall not use such information other than for purposes of the Agreement. Neither Party shall disclose, or allow to be disclosed, to any third parties such information and other information relating to the Agreement.

*Các Bên phải duy trì tính bảo mật của tất cả các thông tin do bên kia cung cấp và các thông tin khác mà bên đó đã được biết theo Hợp Đồng (bao gồm, không giới hạn các tài liệu, hướng dẫn, hướng dẫn sử dụng, mật khẩu, mã số hoặc các con số được sử dụng để truy cập vào Hệ Thống GNS, các hồ sơ, tập tin, các tài liệu và bất kỳ thông tin tương tự nào (sau đây gọi chung là **"Tài Liệu"**) có liên quan đến GNS mà Ngân Hàng cung cấp) và không được sử dụng các thông tin đó vào các mục đích ngoài Hợp Đồng. Các Bên không được tiết lộ, hoặc cho phép tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào các thông tin trên hay bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến Hợp Đồng.*

16.2. Notwithstanding the provisions in Clause 16.1, the Customer hereby authorizes and allows the Bank to disclose any information about the Customer and the GNS (the **"Confidential Information"**) at any time and from time to time, to any and all of the following individual and/or organization: (i) the holding company of the head office of the Bank (the **"Holding Company"**); (ii) subsidiaries, affiliates, branches, representative offices, agents or representatives of the Holding Company, the Holding Company's subsidiaries and the Bank (such (i) and (ii) collectively referred to as the **"MUFG Group"**); (iii) the auditors, legal, tax and accounting advisors of the Holding Company, head office of the Bank (the **"Head Office"**) and the Bank; (iv) the vendors of the computer systems used by the Head Office or the Bank and to such person(s) installing and maintaining the same; (v) the State Bank of Vietnam and other competent authorities in Vietnam or elsewhere; and (vi) other third parties as permitted or required by applicable law, regulation, judicial order, other governmental action or request, or as required by MUFG Group's internal policies.

*Bất kể các quy định tại Khoản 16.1, Khách Hàng đồng ý cho Ngân Hàng tiết lộ thông tin về Khách Hàng và GNS (**"Thông Tin Bí Mật"**) trong bất cứ thời điểm nào và trong từng thời điểm cho bất kỳ và tất cả các cá nhân và/hoặc tổ chức sau: (i) công ty mẹ của hội sở chính của Ngân Hàng (**"Công Ty Mẹ"**); (ii) công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện, đại lý hoặc đại diện của Công Ty Mẹ, các công ty con của Công Ty Mẹ và của Ngân Hàng (các điểm (i) và (ii) đó được gọi chung là **"Tập Đoàn MUFG"**); (iii) các kiểm toán viên, các nhà tư vấn về pháp lý, thuế và kế toán của Công Ty Mẹ, hội sở chính của Ngân Hàng (**"Hội Sở Chính"**) và của Ngân Hàng; (iv) nhà cung cấp hệ thống máy tính cho Hội Sở Chính hoặc cho Ngân Hàng và những người lắp đặt và bảo trì hệ thống máy tính đó; (v) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền khác tại Việt Nam hoặc tại các nơi khác; và (vi) các bên thứ ba khác được phép hoặc được yêu cầu bởi luật, quy định, lệnh của tòa án, hành động hoặc yêu cầu khác của chính phủ, hoặc theo yêu cầu của các chính sách nội bộ của Tập Đoàn MUFG.*

Except where the Bank discloses the Confidential Information to the third party mentioned in (v) or (vi), the Bank shall ensure that the third party receiving the Confidential Information must keep such disclosed information in strict confidentiality.

*Trừ trường hợp Ngân Hàng tiết lộ Thông Tin Bí Mật cho bên thứ ba được liệt kê tại mục (v) hoặc (vi), Ngân Hàng sẽ đảm bảo rằng bên thứ ba nhận Thông Tin Bí Mật phải tuyệt đối bảo mật thông tin được Ngân Hàng tiết lộ.*

16.3. Notwithstanding Clause 16.2 above, if the Bank and the Customer have entered or shall enter any letter of consent on Customer information sharing (**"Consent Letter"**), in case of information sharing by the Bank for the purpose mentioned in such Consent Letter, such Consent Letter shall be applied. Any information sharing by the Bank for the purpose related to these GNS Terms and other than the purpose mentioned in such Consent Letter shall be implemented in accordance with Clause 16.2 above.

*Bất kể Khoản 16.2 ở trên, nếu Ngân Hàng và Khách Hàng đã ký kết hoặc sẽ ký kết bất kỳ thư chấp thuận chia sẻ thông tin khách hàng nào (**"Thư Chấp Thuận"**), trong trường hợp việc chia sẻ thông tin bởi Ngân Hàng cho các mục đích nêu tại Thư Chấp Thuận đó, Thư Chấp Thuận đó sẽ được áp dụng. Bất cứ sự chia sẻ thông tin nào bởi Ngân Hàng cho các mục đích liên quan tới Các Điều Khoản GNS này và không phải mục*

*đích nêu tại Thư Chấp Thuận sẽ được thực hiện phù hợp với Khoản 16.2 ở trên.*

- 16.4. The Customer shall not alter, modify, enhance, remove, or reproduce part or whole of the Materials in any manner whatsoever except when authorized by operation manuals and guidelines or with the Bank's prior written approval.

*Khách Hàng không được thay thế, sửa đổi, thêm thông tin, tẩy xóa hoặc sao chép một phần hay toàn bộ các Tài Liệu dưới bất kỳ hình thức nào trừ khi được phép theo hướng dẫn sử dụng hoặc có sự phê chuẩn bằng văn bản trước đó từ phía Ngân Hàng.*

- 16.5. The obligations of each Party under Article 16 shall survive after the termination of these GNS Terms and the Agreement.

*Các nghĩa vụ của mỗi Bên theo Điều 16 này sẽ tiếp tục có hiệu lực kể cả khi kết thúc Điều Khoản GNS này và sau khi Hợp Đồng chấm dứt.*

## **17. SEVERABILITY** **ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC TỪNG PHẦN**

If any provisions of these GNS Terms become unenforceable due to interpretation, application or administration of the laws or regulations, the other provisions shall, to the extent possible, continue to be in full force and effect.

*Nếu bất kỳ quy định nào của Điều Khoản GNS này không còn hiệu lực do sự giải thích, áp dụng hoặc sự quản lý của luật pháp hoặc các quy định, thì các điều khoản khác, trong phạm vi có thể, vẫn tiếp tục có đầy đủ hiệu lực.*

## **18. ASSIGNMENT** **CHUYỂN NHƯỢNG**

The Customer shall not assign or lease to a third party or create any security interest in favor of a third party over the rights and obligations under these GNS Terms.

*Khách Hàng không được chuyển nhượng hoặc cho bên thứ ba thuê lại, hoặc thiết lập bất kỳ quyền lợi đảm bảo nào cho một bên thứ ba qua các quyền lợi và nghĩa vụ theo Điều Khoản GNS này.*

## **19. AMENDMENT** **SỬA ĐỔI**

- 19.1. At the Bank's sole discretion, the Bank may vary or supplement any or all of the provisions of these GNS Terms at any time by notice to the Customer in such manner as the Bank deems appropriate (including but not limited to displaying in the premises of the Bank, posting on the official website that the Bank uses for its business ((having the following addresses) or such other method as the Bank may decide).

*Ngân Hàng có thể toàn quyền quyết định thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ hoặc tất cả các quy định của Điều Khoản GNS này vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi thông báo cho Khách Hàng theo cách thức Ngân Hàng cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn ở việc niêm yết tại trụ sở của Ngân Hàng, công bố trên website chính thức mà Ngân Hàng sử dụng để kinh doanh ((có địa chỉ sau đây) hoặc phương thức khác do Ngân Hàng quyết định).*

Hanoi Branch (Chi nhánh Thành phố Hà Nội)

<https://www.bk.mufg.jp/global/globalnetwork/asiaoceania/hanoi.html>

Ho Chi Minh City Branch (Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh)

<https://www.bk.mufg.jp/global/globalnetwork/asiaoceania/hochiminhcity.html>

- 19.2. Without prejudice to the provisions of Clause 19.1 above, the Bank shall be entitled (but does not have the obligation) to serve a written notice on the Customer requiring confirmation that the Customer consents to the amendment of or supplement to any provision of these GNS Terms, and failure by the Customer to respond in writing giving such confirmation within five (05) business days of the Bank's notice shall be deemed to constitute a notice of confirmation for this purpose. However, if the Customer gives a notice of refusal in writing within the said five (05) business days, the Bank shall be entitled to treat such notice of refusal as the Customer's agreement to terminate the GNS at the Bank. The termination of GNS by the Customer shall constitute an event of default or a termination event (as the

Terms and Conditions Applicable to The Delivery of Banking Documents via GNS System  
*Các Điều Khoản và Điều Kiện Về Việc Chuyển Chứng Từ Ngân hàng qua Hệ Thống GNS*

case may be) of all agreements between the Bank and the Customer of which the relevant Reports are solely delivered to the Customer via GNS System. However, such termination shall not affect the rights and obligations of either Party which arose in connection with any Report provided via GNS prior to the date of termination.

*Không làm ảnh hưởng đến các quy định tại Khoản 19.1 nêu trên, Ngân Hàng được quyền (nhưng không có nghĩa vụ) gửi thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng yêu cầu xác nhận rằng Khách Hàng chấp thuận việc sửa đổi hoặc bổ sung đối với bất kỳ quy định nào của Điều Khoản GNS này, và việc Khách Hàng không trả lời bằng văn bản để xác nhận như vậy trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Ngân Hàng gửi thông báo sẽ được xem như tạo lập một thông báo chấp thuận cho mục đích này. Tuy nhiên, nếu Khách Hàng gửi một thông báo từ chối bằng văn bản trong vòng năm (05) ngày làm việc nói trên, Ngân Hàng sẽ có quyền xem thông báo từ chối đó là sự đồng ý của Khách Hàng với việc chấm dứt GNS tại Ngân Hàng. Việc Khách Hàng chấm dứt GNS tại Ngân Hàng sẽ tạo thành một sự kiện vi phạm hoặc một sự kiện chấm dứt (tùy từng trường hợp áp dụng) của các hợp đồng khác giữa Ngân Hàng và Khách Hàng mà các Thông Báo liên quan đến các hợp đồng đó chỉ được gửi qua Hệ Thống GNS. Tuy nhiên, việc chấm dứt này sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên phát sinh liên quan đến Thông Báo đã được cung cấp qua GNS trước ngày chấm dứt.*

## **20. SUCCESSORS AND ASSIGNS** **NGƯỜI KẾ NHIỆM VÀ KẾ QUYỀN**

These GNS Terms is binding on the Parties hereto as well as their respective assigns and successors in title.

*Điều Khoản GNS này ràng buộc Các Bên cũng như người kế nhiệm và kế quyền tương ứng mỗi Bên.*

## **21. GOVERNING LAW AND JURISDICTION** **LUẬT ÁP DỤNG VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP**

21.1. These GNS Terms and the Agreement shall be governed by the Vietnamese law. These GNS Terms is made bilingual in English and Vietnamese languages. In the event of any discrepancy concerning the meaning of any provision hereof, the English texts shall prevail over Vietnamese texts thereof.

*Điều Khoản GNS này và Hợp Đồng được điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam. Điều Khoản GNS này được lập song ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có khác biệt liên quan đến ngữ nghĩa của bất kỳ quy định nào, ngôn ngữ tiếng Anh sẽ có giá trị ưu tiên áp dụng hơn so với ngôn ngữ tiếng Việt.*

21.2. The competent Vietnamese Court shall have jurisdiction to settle any dispute arising out of or in relation to these GNS Terms and the Agreement.

*Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan tới Điều Khoản GNS này và Hợp Đồng.*

## **22. CONFIRMATION** **XÁC NHẬN**

The Customer hereby confirms that it has read, understood, and agreed to be bound by these General Terms.

*Khách Hàng tại đây xác nhận rằng Khách Hàng đã đọc, hiểu và đồng ý chịu ràng buộc bởi Các Điều Khoản Chung này.*

**MUFG Bank, Ltd.**  
**Ngân hàng MUFG Bank, Ltd.**

**Ho Chi Minh City Branch**  
**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

21st and 22nd Floor, The Nexus, 3A – 3B Ton Duc Thang St., Ben Nghe Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City  
*Tầng 21 và 22, The Nexus, 3A – 3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Tel / Số điện thoại:* 028 3823 1560  
*Fax / Số fax:* 028 3823 1559

**Hanoi Branch**  
**Chi nhánh Thành phố Hà Nội**

The 10<sup>th</sup> Floor, Tower 1, Capital Place Building, 29 Lieu Giai Street, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Hanoi  
*Tầng 10, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội*

*Tel / Số điện thoại:* 024 3946 0600  
*Fax / Số fax:* 024 3946 0630

**December 2024**  
**Tháng 12 năm 2024**